Khi m□t thu□c m□i ra đ□i, khuynh h□□ng chung là đánh giá cao □u đi□m, ch□a bi□t hay b□ qua nh□□c đi□m c□a thu□c đó. Thu□c đái tháo đ□□ng týp 2 th□ h□ m□i xu□t hi□n trong vòng 5 năm nay cũng t□o nên khuynh h□□ng nh□ v□y. Vì v□y, vi□c đánh giá đúng m□c hi□u l□c, th□n tr□ng v□i các tác d□ng ph□ c□a chúng là r□t c□n thi□t.

Sau khi ăn, đ□□ng huy□t tăng, niêm m□c tiêu hóa ti□t ra incretin còn g□i GLP-1 (Glucagon-like peptide-1) làm tăng ti□t insulin, gi□m đ□□ng huy□t. Nh□ v□y GLP-1 có ch□c năng đi□u hòa, gi□m đ□□ng huy□t sau khi ăn. Trong khi đó, enzym DPP - 4 l□i □c ch□ GLP-1, làm m□t ho□t tính kích thích ti□t insulin, làm cho đ□□ng huy□t tăng.

Thu□c đái tháo đ□□ng (ĐTĐ) týp 2 th□ h□ m□i có tác d□ng ho□c t□□ng t□ nh□ GLP-1 ho□c □c ch□ enzym DPP-4 làm v□ng b□n GLP-1 (làm gi□m đ□□ng huy□t sau ăn).

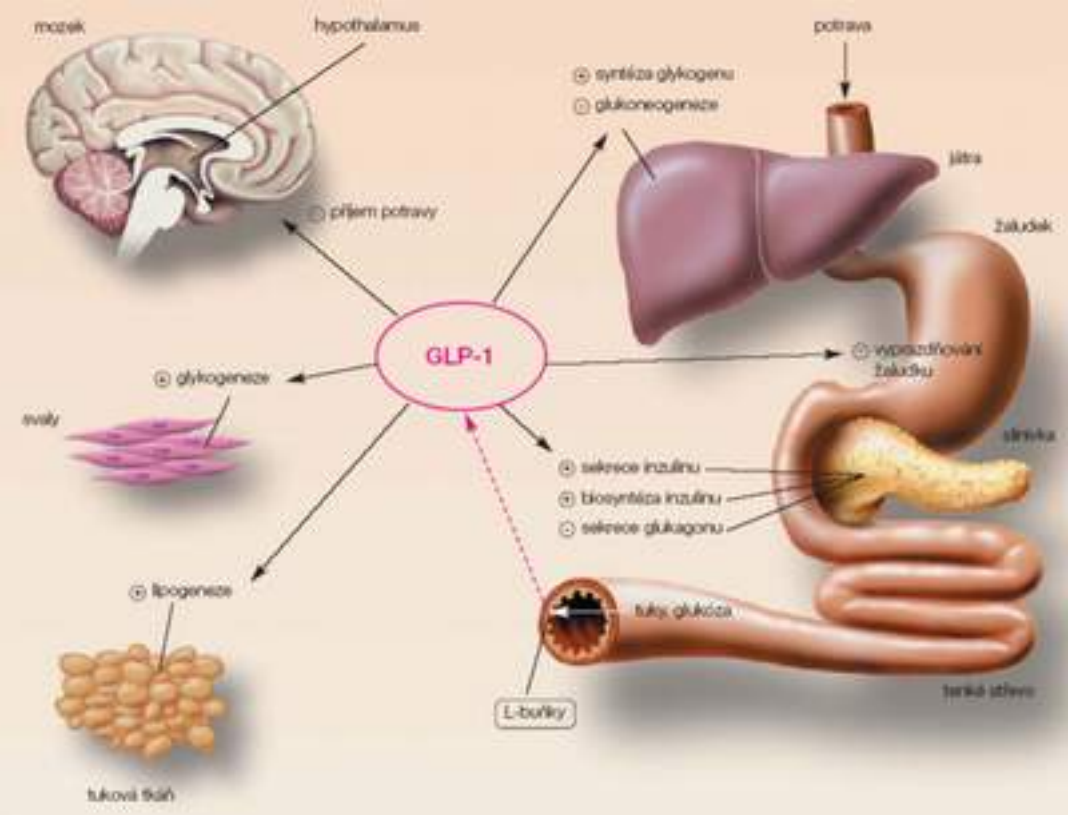

C□ ch□ tác d□ng c□a GLP-1.

M□t s□ thu□c ch□a đái tháo đ□□ng týp 2 th□ h□ m□i

Nhóm có tác d□ng□ t□□ng t□ GLP-1

Có 3 ch□t (exenatid, liraglutid, pramilintid) có tác d□ng kích thích ti□t insulin làm h□ đ□□ng huy□t sau ăn, sau đó b□ h□y, nên không gây tác d□ng ph□ h□ đ□□ng huy□t quá m□c.

- Exenatid (byetta): Là phiên b□n t□ng h□p gi□ng v□i hormon exenatid - 4 có trong n□□c b□t con th□n l□n đ□c Gila Monster (tên khoa h□c Holoderma suspectum). Ngoài tác d□ng h□ đ□□ng huy□t, axenatid còn có tác d□ng gi□m thèm ăn (thông qua hypothalamus), gi□m m□ gan. Hi□u l□c xu□t hi□n ngay sau khi dùng vài phút, ch□ sau vài gi□ là có th□ đ□t đ□n l□□ng insulin c□n thi□t đ□ làm gi□m đ□□ng huy□t.

Thu□c th□□ng dùng k□t h□p v□i metformin ho□c sufonylure ho□c k□t h□p v□i c□ hai khi b□nh chuy□n sang giai đo□n c□n dùng hai thu□c.

- Liraglutid (victoza): Có tác d□ng c□i thi□n đ□□ng huy□t cao h□n exenatid, b□n v□ng h□n, ít gây tai bi□n h□n exenatid (ch□ gây bu□n nôn và tiêu ch□y nh□, hi□m khi gây h□ đ□□ng huy□t quá m□c).

- Pramilintid (symlin): Amylin là hormon do t□ bào beta tuy□n t□y ti□t ra cùng v□i insulin, sau khi ăn. Pramilintid là ch□t t□ng h□p t□□ng t□ amylin (gi□ l□i ph□n ho□t tính, gi□m b□t ph□n đ□c h□i). Nó h□p l□c v□i amylin, h□n ch□ ti□t glucagon, thúc đ□y tái h□p thu glucose, làm ch□m vi□c đ□ th□c ăn t□ d□ dày vào ru□t, tăng tr□ng thái no, do đó làm gi□m đ□□ng huy□t.

Nhóm□ □c ch□□ enzym DPP-4 (làm v□ng b□n GLP-1)

Có hai ch□t (sitagliptin, vildagliptin), chúng □c ch□ enzym DPP-4, làm v□ng b□n GLP-1 (ch□t kích thích ti□t insulin) làm h□ đ□□ng huy□t sau khi ăn. Vì là thu□c làm v□ng b□n GLP-1 nên ch□ dùng khi niêm m□c ru□t còn có kh□ năng ti□t ra GLP-1 (khác v□i đi□u ki□n dùng nhóm có tác d□ng t□□ng t□ GLP-1 nói trên). Chúng ch□ tăng ti□t insulin h□ đ□□ng huy□t sau khi ăn, r□i sau đó ng□ng ho□t đ□ng, do đó khi dùng m□t mình hay khi dùng v□i các thu□c h□ đ□□ng huy□t y□u nh□ metformin, thiazodinedion không gây nguy c□ h□ đ□□ng huy□t quá m□c, nh□ng khi dùng v□i các thu□c h□ đ□□ng huy□t m□nh nh□ sulfonylure thì đi□u này có th□ x□y ra, c□n th□n tr□ng. Chúng đ□u dùng d□ng u□ng, khá ti□n l□i so v□i các thu□c trong nhóm có tác d□ng gi□ng GLP-1.

Và tác d□ng ph□ c□a chúng

Satiglpitin gây nh□c đ□u (5%), viêm mũi h□ng (5%); do □nh h□□ng lên h□ mi□n d□ch nên gây nhi□m khu□n đ□□ng hô h□p trên (6%). Thu□c làm tăng n□ng đ□ c□a digitoxin khi dùng chung, tuy không c□n thay đ□i li□u dùng song c□n theo dõi c□n th□n. Exenatid th□□ng gây tăng acid d□ dày, khó tiêu, tiêu ch□y, □ nóng, bu□n nôn, nôn (30-45%). Không dùng cho ng□□i có các b□nh n□ng đ□□ng tiêu hóa. Trong quá trình dùng thu□c có th□ gây phù, chán ăn, trào ng□□c d□ dày-th□c qu□n, y□u c□, chóng m□t, đau đ□u, c□m giác h□t ho□ng, s□ hãi nh□ng ít g□p h□n. M□t s□ ng□□i dùng exenatid b□ viêm t□y, có tr□□ng h□p ho□i t□ t□y, gây t□ vong (ch□a rõ c□ ch□). Khi dùng chung s□ làm gi□m n□ng đ□ c□a thu□c ch□a r□i lo□n lipid (lovastatin), thu□c h□ nhi□t (paracetamol), thu□c tim m□ch (digitoxin), tuy ch□a th□y làm thay đ□i hi□u qu□ các thu□c này. Pramilintid có th□ gây đau đ□u, chóng m□t, ho, đau b□ng, bu□n nôn, nôn, làm gi□m tr□ng l□□ng c□ th□.

Đ□ thanh th□i c□a sitagliptin, exenatid b□ gi□m □ ng□□i suy ch□c năng th□n. Vì th□ khi dùng c□n gi□m li□u.

Nh□ v□y, thu□c ch□a ĐTĐ týp 2 th□ h□ m□i làm gi□m đ□□ng huy□t sau khi ăn mà không gây h□ đ□□ng huy□t quá m□c. Đây là □u đi□m quan tr□ng, đ□c bi□t v□i ng□□i cao tu□i, b□ ĐTĐ lâu năm. Chúng cũng có m□t s□ tác ph□ đã bi□t nh□ng ch□a rõ c□ ch□ (sitagliptin, exenatid) ho□c ch□a bi□t đ□y đ□ (vildagliptin). Vì th□ trong quá trình dùng c□n c□p nh□t thông tin, theo dõi, phát hi□n các tác d□ng không mong mu□n c□a thu□c. Vi□c ra đ□i nhóm thu□c này giúp cho ng□□i ĐTĐ thêm c□ h□i l□a ch□n, nh□ng c□n bi□t, gi□ng nh□ thu□c ĐTĐ týp 2 cũ, chúng cũng không ch□a kh□i b□nh mà ch□ h□ tr□ ng□□i b□nh □n đ□nh đ□□ng huy□t. M□t s□ thu□c lo□i này còn có cách dùng ph□c t□p h□n nh□ tiêm d□□i da, tuy chúng có dùng □ n□□c ta song ch□a ph□ bi□n b□ng các thu□c ĐTĐ týp 2 cũ.

DS. Bùi Văn Uy